

Số: 18/2025/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 06/TTr-SXD ngày 16 tháng 01 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Khung giá cho thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp

1. Khung giá cho thuê nhà ở xã hội

Đơn vị tính: đồng/m²/tháng.

STT	Nhà ở xã hội	Mức giá tối thiểu	Mức giá tối đa
I	Loại nhà ở riêng lẻ, nhà nhiều tầng,		

	nhiều căn hộ		
1	Nhà 01 tầng	12.700	13.700
2	Nhà từ 2 đến 3 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép; tường bao xây gạch; sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ không có tầng hầm	32.800	56.500
3	Nhà từ 2 đến 3 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép; tường bao xây gạch; sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ có 01 tầng hầm	41.200	70.900
4	Nhà từ 4 đến 5 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép; tường bao xây gạch; sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ không có tầng hầm		
	Diện tích xây dựng dưới 50m ²	35.700	57.000
	Diện tích xây dựng từ 50 - dưới 70m ²	33.300	53.100
	Diện tích xây dựng từ 70 - dưới 90m ²	30.600	48.800
	Diện tích xây dựng từ 90 - dưới 140m ²	29.900	47.700
	Diện tích xây dựng từ 140 - dưới 180m ²	29.000	46.300
	Diện tích xây dựng từ 180m ² trở lên	27.700	44.200
5	Nhà từ 4 đến 5 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép; tường bao xây gạch; sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ có 01 tầng hầm		
	Diện tích xây dựng dưới 50m ²	39.500	62.900
	Diện tích xây dựng từ 50 - dưới 70m ²	36.100	57.500
	Diện tích xây dựng từ 70 - dưới 90m ²	35.300	56.200
	Diện tích xây dựng từ 90 - dưới 140m ²	34.700	55.300
	Diện tích xây dựng từ 140 - dưới 180m ²	34.000	54.200

	Diện tích xây dựng từ 180m ² trở lên	32.900	52.500
II	Loại nhà chung cư		
1	Số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	31.200	53.800
2	Số tầng ≤ 5 có 01 tầng hầm	36.500	62.900
3	$5 < \text{số tầng} \leq 7$ không có tầng hầm	40.300	69.400
4	$5 < \text{số tầng} \leq 7$ có 01 tầng hầm	43.100	74.200
5	$7 < \text{số tầng} \leq 10$ không có tầng hầm	41.500	71.500
6	$7 < \text{số tầng} \leq 10$ có 01 tầng hầm	43.400	74.800
7	$10 < \text{số tầng} \leq 15$ không có tầng hầm	43.500	74.900
8	$10 < \text{số tầng} \leq 15$ có 01 tầng hầm	44.700	77.000
9	$15 < \text{số tầng} \leq 20$ không có tầng hầm	48.400	83.400
10	$15 < \text{số tầng} \leq 20$ có 01 tầng hầm	52.800	84.800

2. Khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp

Đơn vị tính: đồng/m²/tháng.

STT	Nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp	Mức giá tối thiểu	Mức giá tối đa
1	Số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	31.200	53.800
2	$5 < \text{số tầng} \leq 7$ không có tầng hầm	40.300	69.400
3	$7 < \text{số tầng} \leq 10$ không có tầng hầm	41.500	71.500
4	$10 < \text{số tầng} \leq 15$ không có tầng hầm	43.500	74.900
5	$15 < \text{số tầng} \leq 20$ không có tầng hầm	48.400	83.400

”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Thuận, Giám đốc Công an tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ tịch ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố; chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTQH. T

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hải